

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2017
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thị Ngọc Trân.

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Anh **Võ Văn T** – Sinh năm 1980 (Có mặt).*

Địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

*- Bị đơn: Chị **Trần Thị Mỹ H** – Sinh năm 1985 (Vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân do mai mối, không đăng ký kết hôn. Anh và chị H sống hạnh phúc

khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau. Đến năm 2012 thì anh và chị H không còn chung sống đến nay. Thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H. Về quan hệ con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2007 (hiện đang sống cùng chị H). Khi ly hôn anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Trần Thị Mỹ H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: + Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T, bà Trần Thị Mỹ H không đăng ký kết hôn nên hôn nhân không hợp pháp. Theo ông T trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ, chồng hay cãi nhau. Bà H được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, nếu buộc trở lại sống chung cũng không hạnh phúc. Xét thấy, ông T, bà H không đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông T, bà H là vợ chồng.

+ Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Võ Minh T – Sinh ngày 07/3/2017, cháu T đang sống với bà H. Khi ly hôn, ông T đồng ý để bà H tiếp tục nuôi con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu T, do bà H đi làm ở Bình Dương và dẫn cháu T theo.

Xét thấy, bà H đang nuôi con chung, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu T, nghĩ nên để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, không có yêu cầu của bà H (do triệu tập không đến) nên không xem xét. Nếu trường hợp sau này bà H có yêu cầu thì sẽ xem xét bằng vụ án riêng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Anh Võ Văn T xin ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H, chị H có nơi cư trú tại ấp T 2, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

Bị đơn chị Trần Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ.

- Về pháp luật nội dung: [2] Anh Võ Văn T xin ly hôn với chị Trần Thị Mỹ H, anh T và chị H hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị H có 01 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2007 (hiện cháu T đang sống cùng chị H). Khi ly hôn anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Trần Thị Mỹ H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như có yêu cầu chị H dẫn theo cháu T để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của cháu muốn sống chung với ai khi anh, chị ly hôn nhưng chị H không đến và cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của anh T. Ngày 24/10/2017 Tòa án có đến ấp T 1, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nơi chị H đăng ký hộ khẩu thường trú để ghi nhận ý kiến của cháu T nhưng chị H và cháu T không có mặt tại nhà nên không thể ghi nhận được ý kiến của cháu. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh T và chị H không còn chung sống với nhau, con chung do chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T cũng đồng ý để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị H vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[5] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Võ Văn T đối với chị Trần Thị Mỹ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Võ Văn T và chị Trần Thị Mỹ H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Mỹ H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 07/3/2007 (hiện cháu T đang sống cùng chị H). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Mỹ H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có..

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận anh Võ Văn T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì anh Võ Văn T và chị Trần Thị Mỹ H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Võ Văn T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014230 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 8 năm 2017. Anh T đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư